SAO Y; Hội đồng nhân dân; Thời gian ký: 2025-11-15T19:01:34+07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11 /2025/NQ-HĐND	*Đồng Tháp, ngày 04 tháng 11 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15 và Luật số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 395/TTr-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra số 287/BC-HĐND ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp gồm: bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; khoán bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững; trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; đầu tư cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp; trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP quy định về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến hoạt động bảo vệ và phát triển rừng từ nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện.

Điều 2. Nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp

1. Bảo đảm nguồn lực cho hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh phù hợp với khả năng cân đối vốn từ ngân sách nhà nước trong kế hoạch trung hạn và hằng năm.

2. Đảm bảo tính công bằng, công khai, minh bạch và tuân thủ theo các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện các nội dung có liên quan đến hoạt động bảo vệ và phát triển rừng.

3. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân tự đầu tư, huy động vốn hợp pháp để thực hiện dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng.

Điều 3. Mức hỗ trợ bảo vệ rừng đặc dụng

Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng đặc dụng, với mức như sau:

1. Ban Quản lý rừng đặc dụng, Ban Quản lý rừng phòng hộ: 150.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng đặc dụng được giao, ngoài kinh phí sự nghiệp thường xuyên cho các hoạt động của bộ máy Ban Quản lý rừng.

2. Cộng đồng dân cư, các đối tượng khác theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 8 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15 và Luật số 31/2024/QH15 được Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng: 500.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng được giao.

3. Mức hỗ trợ lập hồ sơ lần đầu về bảo vệ rừng cho cộng đồng dân cư: 50.000 đồng/ha; quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng là 7% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm.

Điều 4. Mức hỗ trợ bảo vệ rừng phòng hộ

Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng phòng hộ, với mức như sau:

1. Ban Quản lý rừng phòng hộ: 500.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng phòng hộ được giao, ngoài kinh phí sự nghiệp thường xuyên cho các hoạt động của bộ máy Ban Quản lý rừng.

2. Ban Quản lý rừng đặc dụng: 150.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng phòng hộ được giao, ngoài kinh phí sự nghiệp thường xuyên cho các hoạt động của bộ máy Ban Quản lý rừng.

3. Doanh nghiệp nhà nước, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, các đối tượng khác theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 8 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15 và Luật số 31/2024/QH15: 500.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng phòng hộ được giao.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê: 150.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng phòng hộ được giao.

5. Mức hỗ trợ bảo vệ rừng phòng hộ đối với vùng đất ven biển bằng 1,5 lần mức quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.

6. Mức hỗ trợ lập hồ sơ lần đầu về bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư: 50.000 đồng/ha; quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng là 7% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm.

Điều 5. Mức đầu tư trồng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (gọi chung là Chủ rừng) thực hiện trồng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, mức đầu tư theo định mức kinh tế kỹ thuật, thiết kế, dự toán công trình lâm sinh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Mức hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững

Mức hỗ trợ một lần xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững cho chủ rừng có rừng trồng sản xuất (trừ chủ rừng là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài): 400.000 đồng/ha.

Điều 7. Mức hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ

Nhà nước cấp kinh phí khoán bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với mức như sau:

a) Mức hỗ trợ: 500.000 đồng/ha/năm.

b) Mức hỗ trợ: 750.000 đồng/ha/năm đối với diện tích rừng thuộc vùng đất ven biển.

2. Mức hỗ trợ lập hồ sơ lần đầu cho khoán bảo vệ rừng và quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng như sau:

a) Lập hồ sơ lần đầu cho khoán bảo vệ rừng: 50.000 đồng/ha.

b) Quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng: 7% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm.

Điều 8. Mức hỗ trợ đầu tư cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có dự án đầu tư riêng hoặc được lập chung trong các dự án bảo vệ và phát triển rừng được cơ quan cấp có thẩm quyền phê duyệt, được hỗ trợ như sau:

1. Xây dựng rừng giống trồng mới có diện tích từ 2,0 ha trở lên, vườn giống trồng mới có diện tích từ 1,0 ha trở lên: 55.000.000 đồng/ha.

2. Xây dựng rừng giống chuyển hóa có diện tích từ 1,0 ha trở lên, vườn cây lâm nghiệp đầu dòng có diện tích từ 500m^2 trở lên: 25.000.000 đồng/ha.

3. Dự án hoặc công trình xây dựng trung tâm sản xuất giống cây rừng chất lượng cao có quy mô sản xuất tối thiểu 1 triệu cây/năm: 5.000.000.000 đồng/dự án hoặc công trình.

4. Dự án hoặc công trình xây dựng mới vườn ươm giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô với diện tích đất xây dựng vườn ươm tối thiểu 0,5 ha: 300.000.000 đồng/dự án hoặc công trình.

Điều 9. Mức hỗ trợ trồng cây phân tán

Mức hỗ trợ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tham gia trồng cây phân tán: 15.000.000 đồng/ha trồng cây phân tán (quy đổi 1 ngàn cây/ha), để mua cây giống, phân bón và chi phí một phần nhân công trồng, chăm sóc; tổ chức các hoạt động quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện trồng cây phân tán.

Điều 10. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên của ngân sách địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Nguồn ngân sách địa phương kết hợp với ngân sách trung ương hỗ trợ và các nguồn lực khác để thực hiện.

3. Nguồn vốn khác: các nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng theo quy định.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 11 năm 2025.

2. Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa X, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 04 tháng 11 năm 2025./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

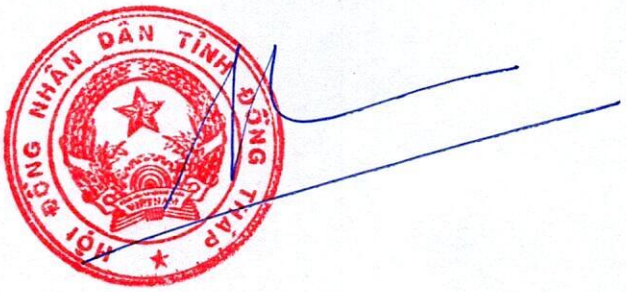

Châu Thị Mỹ Phương